



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT – MAY NHA TRANG**

**ĐỊA CHỈ: KM 1447 QL1A – X. VĨNH PHƯƠNG  
– TP. NHA TRANG – T. KHÁNH HÒA**

**ĐT : 058.3727241 – Email : [kttc@detnhatrang.com.vn](mailto:kttc@detnhatrang.com.vn)**

**Website: [www.detnhatrang.com.vn](http://www.detnhatrang.com.vn)**

---

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**QUÝ 2 NĂM 2015**

**(trước kiểm toán)**

*Nha Trang, ngày 10 tháng 08 năm 2015*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2015

| TÀI SẢN                                             | Mã<br>Số   | Thuyết<br>minh | Đơn vị tính:           |                        |
|-----------------------------------------------------|------------|----------------|------------------------|------------------------|
|                                                     |            |                | 30/06/2015             | 01/01/2015             |
| <b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                          | <b>100</b> |                | <b>397,987,085,691</b> | <b>348,830,655,114</b> |
| <b>I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>        | <b>110</b> |                | <b>4,339,886,249</b>   | <b>2,584,095,899</b>   |
| 1. Tiền                                             | 111        | V.01           | 2,339,886,249          | 2,084,095,899          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |                | 2,000,000,000          | 500,000,000            |
| <b>II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN</b>      | <b>120</b> | <b>V.02</b>    | <b>10,000,000,000</b>  | <b>16,442,240,000</b>  |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |                | 10,000,000,000         | 20,245,333,720         |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |                | -                      | (3,803,093,720)        |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |                | -                      | -                      |
| <b>III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN</b>             | <b>130</b> |                | <b>155,142,336,981</b> | <b>110,178,209,908</b> |
| 1. Phải thu khách hàng                              | 131        |                | 102,577,510,040        | 72,591,752,066         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        |                | 51,886,360,090         | 36,939,023,559         |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |                | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |                | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |                | -                      | -                      |
| 6. Các khoản phải thu khác                          | 136        |                | 2,705,450,888          | 2,794,442,607          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.03           | (2,026,984,037)        | (2,147,008,324)        |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |                | -                      | -                      |
| <b>IV. HÀNG TỒN KHO</b>                             | <b>140</b> |                | <b>226,574,924,618</b> | <b>217,655,681,156</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.04           | 226,574,924,618        | 217,655,681,156        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)               | 149        |                | -                      | -                      |
| <b>V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>                     | <b>150</b> |                | <b>1,929,937,843</b>   | <b>1,970,428,151</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        |                | 1,714,876,819          | 1,790,187,141          |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                          | 152        |                | 215,061,024            | 179,985,899            |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |                | -                      | 255,111                |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        | V.05           | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |                | -                      | -                      |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG***Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

| <b>TÀI SẢN</b><br><i>(tiếp theo)</i>           | <b>MÃ</b>  | <b>Thuyết</b> | <b>30/06/2015</b>      | <b>01/01/2015</b>      |
|------------------------------------------------|------------|---------------|------------------------|------------------------|
|                                                | <b>SỐ</b>  | <b>minh</b>   |                        |                        |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |               | <b>247,794,490,976</b> | <b>261,310,604,387</b> |
| <b>I. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN</b>           | <b>210</b> |               | <b>95,391,008,559</b>  | <b>112,452,342,014</b> |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng             | 211        |               |                        | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn             | 212        |               |                        | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc          | 213        | V.06          |                        | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                     | 214        |               |                        | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                 | 215        |               |                        | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                       | 216        | V.07          | 95,391,008,559         | 112,452,342,014        |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi           | 219        |               |                        | -                      |
| <b>II. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH</b>                     | <b>220</b> |               | <b>141,853,551,736</b> | <b>141,388,422,200</b> |
| 1. TSCĐ hữu hình                               | 221        | V.08          | 136,834,455,584        | 136,184,574,036        |
| - Nguyên giá                                   | 222        |               | 557,146,198,974        | 565,855,404,381        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |               | (420,311,743,390)      | (429,670,830,345)      |
| 2. TSCĐ thuê tài chính                         | 224        | V.09          | 5,019,096,152          | 5,203,848,164          |
| - Nguyên giá                                   | 225        |               | 5,542,560,188          | 5,542,560,188          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 226        |               | (523,464,036)          | (338,712,024)          |
| 3. TSCĐ vô hình                                | 227        | V.10          |                        | -                      |
| - Nguyên giá                                   | 228        |               |                        | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |               |                        | -                      |
| <b>III. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN</b>            | <b>240</b> | V.12          | <b>7,865,776,982</b>   | <b>1,547,640,901</b>   |
| 1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |               |                        | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 242        |               | 7,865,776,982          | 1,547,640,901          |
| <b>IV. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN</b>  | <b>250</b> |               | <b>1,166,915,000</b>   | <b>3,166,915,000</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty con                      | 251        |               |                        | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh     | 252        |               |                        | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác              | 253        |               | 1,166,915,000          | 3,166,915,000          |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn  | 254        | V.13          |                        | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn             | 255        |               |                        | -                      |
| <b>V. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC</b>                 | <b>260</b> |               | <b>1,517,238,699</b>   | <b>2,755,284,272</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                   | 261        | V.14          | 1,327,557,337          | 2,617,334,206          |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại              | 262        |               | 189,681,362            | 137,950,066            |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263        | V.21          |                        | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                        | 268        |               |                        | -                      |
| <b>VI. Lợi thế thương mại</b>                  | <b>269</b> |               |                        | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                       | <b>270</b> |               | <b>645,781,576,667</b> | <b>610,141,259,501</b> |

620  
SỐN  
DỆ  
NH  
4 TR

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG***Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

| NGUỒN VỐN                                           | MÃ SỐ      | Thuyết minh | 30/06/2015             | 01/01/2015             |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>                               | <b>300</b> |             | <b>412,580,264,510</b> | <b>378,696,944,964</b> |
| <b>I. NỢ NGẮN HẠN</b>                               | <b>310</b> |             | <b>401,483,262,312</b> | <b>370,549,611,623</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.15        | 80,498,889,051         | 58,634,505,661         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        |             | 25,526,830             | 39,723,206             |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        |             | 4,936,267,682          | 5,738,362,384          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 22,872,508,901         | 25,455,798,930         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        |             | 480,250,713            | 3,009,602,050          |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             |                        | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        | V.16        |                        | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             |                        | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.17        | 21,596,303,936         | 3,318,778,259          |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        |             | 268,391,866,262        | 273,172,398,263        |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             |                        | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.18        | 2,681,648,937          | 1,180,442,870          |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             |                        | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             |                        | -                      |
| <b>II. NỢ DÀI HẠN</b>                               | <b>330</b> |             | <b>11,097,002,198</b>  | <b>8,147,333,341</b>   |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             |                        | -                      |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             |                        | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             |                        | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             |                        | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             |                        | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             |                        | -                      |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             |                        | -                      |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.19        | 11,097,002,198         | 8,147,333,341          |
| 9. Cổ phiếu ưu đãi                                  | 340        |             |                        | -                      |
| 10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        | V.20        |                        | -                      |
| 11. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        | V.21        |                        | -                      |
| 12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             |                        | -                      |

D2

31  
T-  
.T1

VG



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG***Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phước, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

| <b>NGUỒN VỐN</b><br><i>(tiếp theo)</i>                       | <b>MÃ Thuyết</b><br><b>SỐ minh</b> | <b>30/06/2015</b>      | <b>01/01/2015</b>      |
|--------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                     | <b>400</b>                         | <b>232,622,700,431</b> | <b>230,478,172,267</b> |
| <b>I. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                     | <b>410</b>                         | <b>232,622,700,431</b> | <b>230,478,172,267</b> |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                                 | 411 V.22                           | 185,000,000,000        | 185,000,000,000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a                               | 185,000,000,000        | 185,000,000,000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                                            | 411b                               |                        | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412                                | 2,030,000,000          | -                      |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413                                |                        | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414                                |                        | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*)                                          | 415                                |                        | (11,015,000,000)       |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416                                |                        | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417                                |                        | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418                                | 22,015,663,659         | 22,015,663,659         |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419                                |                        | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420                                |                        | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421                                | 23,577,036,772         | 34,477,508,608         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a                               | 1,372,231,811          | 7,070,043,823          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b                               | 22,204,804,961         | 27,407,464,785         |
| 11. Nguồn vốn đầu tư XDCB                                    | 422                                |                        | -                      |
| <b>II. NGUỒN KINH PHÍ, QUỸ KHÁC</b>                          | <b>430</b>                         |                        |                        |
| 1. Nguồn kinh phí                                            | 431 V.23                           |                        | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ                         | 432                                |                        | -                      |
| <b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>                       | <b>439</b>                         | <b>578,611,726</b>     | <b>966,142,270</b>     |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b>                         | <b>645,781,576,667</b> | <b>610,141,259,501</b> |

*Nha Trang, ngày 10 tháng 08 năm 2015***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng giám đốc***ngauit**ngauit**Nguyễn Thị Cẩm Vân**Hồ Đặng Như Duyên**Lê Đình Hùng*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHÀ TRANG**

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý 2/2015

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU                                                | Mã số | Thuyết minh | Quý 2/2015      |                 | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo |                 |
|-----|---------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|---------------------------------------|-----------------|
|     |                                                         |       |             | Năm nay         | Năm Trước       | Năm nay                               | Năm Trước       |
| 1.  | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                  | 01    | VL.1        | 351,393,712,656 | 366,237,319,899 | 653,575,422,483                       | 648,614,318,890 |
| 2.  | Các khoản giảm trừ                                      | 02    | VL.2        | -               | -               | 31,623,505                            | -               |
| 3.  | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ         | 10    |             | 351,393,712,656 | 366,237,319,899 | 653,543,798,978                       | 648,614,318,890 |
| 4.  | Giá vốn hàng bán                                        | 11    | VL.3        | 324,246,329,766 | 336,825,803,322 | 603,517,969,781                       | 600,583,751,967 |
| 5.  | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ           | 20    |             | 27,147,382,889  | 29,411,516,577  | 50,025,829,197                        | 48,030,566,923  |
| 6.  | Doanh thu hoạt động tài chính                           | 21    | VL.4        | 492,195,625     | 5,123,711,918   | 2,055,303,477                         | 5,361,893,879   |
| 7.  | Chi phí tài chính                                       | 22    | VL.5        | 4,993,578,166   | 11,393,230,410  | 8,944,667,644                         | 18,444,201,300  |
|     | Trong đó: Chi phí lãi vay                               | 23    |             | 3,816,202,337   | 9,727,095,131   | 7,105,541,625                         | 17,153,149,345  |
| 8.  | Chi phí bán hàng                                        | 24    | VL.6        | 2,876,391,749   | 2,486,522,808   | 4,823,911,296                         | 4,349,617,604   |
| 9.  | Chi phí quản lý doanh nghiệp                            | 25    | VL.7        | 8,570,401,273   | 10,306,968,125  | 15,093,570,607                        | 17,462,720,327  |
| 10. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh                 | 30    |             | 11,399,207,328  | 10,348,507,150  | 23,218,983,127                        | 13,135,921,371  |
| 11. | Thu nhập khác                                           | 31    | VL.8        | 1,615,833,322   | 319,602,637,113 | 2,679,092,994                         | 319,602,629,734 |
| 12. | Chi phí khác                                            | 32    | VL.9        | (217,389,998)   | 319,536,453,562 | 66,636,893                            | 319,536,503,072 |
| 13. | Lợi nhuận khác                                          | 40    |             | 1,833,223,320   | 66,083,551      | 2,512,456,101                         | 66,126,662      |
| 14. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp | 50    |             | 13,232,430,646  | 10,414,590,701  | 25,731,439,228                        | 13,202,048,033  |
| 15. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành            | 51    |             | 2,553,348,691   | 1,865,070,916   | 4,999,753,837                         | 2,491,259,773   |
| 16. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại             | 52    | V.11        | (25,865,655)    | (25,865,654)    | (51,731,296)                          | (51,731,296)    |
| 17. | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp                | 60    |             | 10,704,947,610  | 8,575,385,439   | 20,783,418,687                        | 10,762,519,556  |
| 19. | Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông thiểu số            | 61    |             | (131,325,021)   | (77,221,957)    | (243,988,607)                         | (165,392,139)   |
| 20. | Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông công ty mẹ          | 62    |             | 10,836,272,631  | 8,652,607,396   | 21,027,405,294                        | 10,927,911,695  |
| 21. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                | 70    |             | 602             | 494             | 1,198                                 | 624             |
| 19. | Lãi suy giảm trên cổ phiếu                              | 71    |             |                 |                 |                                       |                 |

Nha Trang, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Cẩm Vân

Hồ Động Như Duyên

Vũ Đình Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

**QUÝ 2-2015**

| CHỈ TIÊU                                                             | MÃ SỐ     | Thuyết minh | QUÝ 2<br>NĂM 2015      | QUÝ 2<br>NĂM 2014       | LƯU KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN<br>CUỐI KỲ BÁO CÁO |                         |
|----------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|------------------------------------------|-------------------------|
|                                                                      |           |             |                        |                         | NĂM 2015                                 | NĂM 2014                |
| <b><u>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</u></b>             |           |             |                        |                         |                                          |                         |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác          | 01        |             | 370,165,076,097        | 330,451,191,854         | 625,148,588,890                          | 553,562,677,938         |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ               | 02        |             | (311,997,693,039)      | (293,020,494,629)       | (497,033,424,227)                        | (486,838,583,702)       |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                                   | 03        |             | 13,210,306,744         | (73,640,779,576)        | (44,827,243,987)                         | (104,181,856,607)       |
| 4. Tiền chi trả lãi vay                                              | 04        |             | (3,576,405,751)        | (9,774,437,551)         | (6,887,890,892)                          | (17,200,491,765)        |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp                           | 05        |             | (2,446,405,146)        | (326,188,857)           | (4,862,203,249)                          | (2,024,864,383)         |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                             | 06        |             | (33,791,851,164)       | (6,406,347,540)         | (33,021,298,190)                         | 33,020,000              |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                            | 07        |             | (25,670,574,211)       | 22,883,151,952          | (31,162,962,851)                         | (2,260,771,000)         |
| <b><u>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</u></b>          | <b>20</b> |             | <b>5,892,453,490</b>   | <b>(30,133,904,347)</b> | <b>7,353,565,494</b>                     | <b>(58,910,869,519)</b> |
| <b><u>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</u></b>                |           |             |                        |                         |                                          |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác    | 21        |             | (6,890,445,393)        | (3,105,967,974)         | (7,228,806,393)                          | (3,386,641,608)         |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22        |             | 180,723,927            | 187,492,898,586         | 362,913,047                              | 187,492,898,586         |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác              | 23        |             | -                      | (5,100,000,000)         | -                                        | (5,100,000,000)         |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác      | 24        |             | 2,000,000,000          | 6,200,000,000           | 2,000,000,000                            | 6,300,000,000           |
| 5. Tiền chi góp vốn vào các đơn vị khác                              | 25        |             | -                      | -                       | -                                        | -                       |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                       | 26        |             | -                      | 10,858,414,400          | -                                        | 10,858,414,400          |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia               | 27        |             | 416,938,555            | 1,537,610,594           | 1,467,007,767                            | 1,644,018,705           |
| <b><u>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</u></b>              | <b>30</b> |             | <b>(4,292,782,911)</b> | <b>197,882,955,606</b>  | <b>(3,398,885,579)</b>                   | <b>197,808,690,083</b>  |





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

| CHỈ TIÊU                                                                                   | MÃ SỐ     | Thuyết minh | QUÝ 2<br>NĂM 2015      | QUÝ 2<br>NĂM 2014        | LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN<br>CUỐI KỲ BÁO CÁO |                          |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|--------------------------|------------------------------------------|--------------------------|
|                                                                                            |           |             |                        |                          | NĂM 2015                                 | NĂM 2014                 |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                         |           |             |                        |                          |                                          |                          |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | 13,045,000,000         | -                        | 13,045,000,000                           | -                        |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                      | -                        | -                                        | -                        |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                                                    | 33        |             | 305,361,894,264        | 331,466,487,872          | 491,326,404,955                          | 513,310,156,657          |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay                                                                 | 34        |             | (311,563,784,305)      | (476,686,066,060)        | (495,506,757,984)                        | (622,062,375,856)        |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính                                                          | 35        |             | -                      | (2,175,066,452)          | -                                        | (2,175,066,452)          |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36        |             | (11,417,000,000)       | (26,919,000,000)         | (11,417,000,000)                         | (28,000,000,000)         |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                        | <b>40</b> |             | <b>(4,573,890,041)</b> | <b>(174,313,644,840)</b> | <b>(2,352,353,029)</b>                   | <b>(138,927,285,651)</b> |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>                                                      | <b>50</b> |             | <b>(2,974,219,462)</b> | <b>(6,564,593,581)</b>   | <b>1,602,326,886</b>                     | <b>(29,465,087)</b>      |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                                                            | 60        |             | 7,160,642,247          | 10,061,038,465           | 2,584,095,899                            | 3,525,909,971            |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | 153,463,464            | -                        | 153,463,464                              | -                        |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                                                           | 70        | VII.34      | 4,339,886,249          | 3,496,444,884            | 4,339,886,249                            | 3,496,444,884            |

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Cẩm Vân*  
 Nguyễn Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng

*Hồ Đặng Như Duyên*  
 Hồ Đặng Như Duyên

Nha Trang, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Tổng giám đốc



Vũ Đình Hùng

43  
 01  
 01  
 NH  
 17



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1 Giấy phép hoạt động:

Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang ("Công ty/Công ty mẹ") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dệt Nha Trang theo Quyết định số 3956/QĐ-BCN ngày 02 tháng 12 năm 2005 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 8 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó như sau:

| Thay đổi đăng ký kinh doanh                                                   | Số giấy chứng nhận | Ngày cấp   |
|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------|
| Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 2                 | 3703000219         | 27/09/2007 |
| Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3 | 4200237973         | 22/12/2009 |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4               | 4200237973         | 11/06/2014 |

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 185.000.000.000 đồng và không thay đổi trong quá trình thay đổi đăng ký kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 6 năm 2014 bao gồm: Sản xuất các loại bông, xơ, sợi; Sản xuất các loại vải; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất các loại nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may; Sản xuất giấy dếp; Sản xuất máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Sản xuất hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại vải, hàng may mặc, giày dếp; Mua bán máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại bông, xơ, sợi, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may; Kinh doanh nhà và trung tâm thương mại; Cho thuê nhà văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch; Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc thiết bị nhà xưởng; Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xử lý chất thải lỏng công nghiệp, nước thải sinh hoạt; Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, khu du lịch; Nhà hàng; Kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Km 1447, Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 là: 3275 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 3.439 người).

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú. Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301446006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày ngày 22 tháng 02 năm 2009.

Trụ sở chính của công ty mẹ đặt tại số 48 Tầng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc Công ty

► Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Số 54 Tôn Thất Tùng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

► Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội

Địa chỉ : Số 378 Nguyễn Thị Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Hiện Chi nhánh này đã dừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể theo Quyết định của Hội đồng quản trị ngày 07/09/2011.

► Cửa hàng Centex

Địa chỉ : Số 12 Nguyễn Gia Thiều, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Công ty con

► Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú ("KPI")

Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú ("KPI") được thành lập bởi các cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang, Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức và Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may Việt Nam. Công ty này hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201220884 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 24 tháng 4 năm 2013.

Vốn điều lệ của KPI theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 34 tỷ đồng, trong đó Công ty đăng ký góp 20 tỷ đồng (tương đương 58,82% vốn điều lệ) và hai cổ đông sáng lập còn lại đăng ký góp 14 tỷ đồng (tương đương 41,18% vốn điều lệ).

Ngành nghề kinh doanh chính của KPI là kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày và kinh doanh bất động sản.

Trụ sở chính: Số 12 Nguyễn Gia Thiều, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

## 2 Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                     |          |               |            |
|---------------------|----------|---------------|------------|
| Ông Phạm Xuân Trinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày | 25/04/2013 |
| Ông Lê Ngọc Hoan    | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày | 25/04/2013 |
| Ông Võ Đình Hùng    | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày | 25/04/2013 |
| Ông Trần Ngọc Nga   | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày | 25/04/2013 |
| Bà Nguyễn Thị Liên  | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày | 15/07/2013 |



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

*Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa*

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

#### **3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Không so sánh được vì từ 01/01/2015 Tập đoàn thực hiện ghi sổ kế toán , lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính ban hành hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKT") có liên quan do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn CMKT (Đợt 1);

- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu CMKT (Đợt 2);

- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu CMKT (Đợt 3);

- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu CMKT (Đợt 4); và

- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn CMKT (Đợt 5).

\* Công ty và công ty con sau đây được gọi chung là Tập đoàn

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1 Kỳ kế toán năm:**

Năm tài chính của tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1 Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng:**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính ban hành hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **2 Hình thức sổ kế toán áp dụng:**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là nhật ký chung.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

##### **3 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định về kế toán hiện hành ở Việt Nam.

##### **4 Cơ sở hợp nhất:**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của Chủ sở hữu của công ty mẹ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

##### **1 Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

##### **2 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

##### 3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

##### 4 Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 3% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Kinh phí công đoàn được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 2%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 1% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 1%.

##### 5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

|                                 |         |     |
|---------------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc        | 05 - 50 | năm |
| - Máy móc và thiết bị           | 03 - 15 | năm |
| - Phương tiện vận tải           | 05 - 10 | năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý     | 03 - 20 | năm |
| - Tài sản cố định hữu hình khác | 10      | năm |



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

*Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa*

### **BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

#### **THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

##### **6 Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc thiết bị và được khấu hao trong thời gian 15 năm.

##### **7 Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

##### **8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn chi phí đi vay được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

##### **9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

*Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa*

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

#### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

---

##### **10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

##### **11 Đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### **12 Đầu tư tài chính và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Đầu tư tài chính được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

##### **13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

##### **14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá ngân hàng thương mại tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

##### 15 Vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi ,
- chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ: Cổ phiếu do Công ty phát hành được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá (bao gồm tiền mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua) và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận lãi/(lỗ) khi mua, bán hoặc hủy cổ phiếu của mình.

- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư

- sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

##### 16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

### BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

#### THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 17 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn, Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

- Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Đã  
Đi  
H  
76



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

---

**18 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua thì phần chênh lệch sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất**

| <b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                 | <b>30/06/2015</b>      | <b>01/01/2015</b>     |
|--------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| - Tiền mặt                                                   | 200,196,835            | 270,841,846           |
| - Tiền gửi ngân hàng                                         | 2,139,689,414          | 1,813,254,053         |
| - Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng                          | 2,000,000,000          | 500,000,000           |
| <b>cộng</b>                                                  | <b>4,339,886,249</b>   | <b>2,584,095,899</b>  |
| Trong đó:                                                    |                        |                       |
| Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại 01/01/2015            | Gốc ngoại tệ           | Tương đương VND       |
| - Tiền gửi ngân hàng - USD                                   | 26,330                 | 562,944,382           |
| - Tiền gửi ngân hàng - EUR                                   | 3                      | 78,450                |
| Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại 30/06/2015            | Gốc ngoại tệ           | Tương đương VND       |
| - Tiền gửi ngân hàng - USD                                   | 51,651                 | 1,124,964,444         |
| - Tiền gửi ngân hàng - EUR                                   | 3                      | 78,450                |
| <b>2. Chứng khoán kinh doanh</b>                             | <b>30/06/2015</b>      | <b>01/01/2015</b>     |
| - Các khoản đầu tư khác                                      | <b>10,000,000,000</b>  | <b>20,245,333,720</b> |
| Ngân hàng TMCP xnk Việt nam Eximbank                         |                        | 10,245,333,720        |
| Công ty ĐT & PT nhà Nha Trang (HUD)                          | 10,000,000,000         | 10,000,000,000        |
| <b>cộng</b>                                                  | <b>10,000,000,000</b>  | <b>20,245,333,720</b> |
| <b>3. Trích lập dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn khác:</b> | <b>30/06/2015</b>      | <b>01/01/2015</b>     |
| - Đầu tư ngắn hạn khác                                       |                        | <b>3,803,093,720</b>  |
| Ngân hàng TMCP XNK Việt nam Eximbank                         |                        | 3,803,093,720         |
| <b>cộng</b>                                                  |                        | <b>3,803,093,720</b>  |
| <b>4. Phải thu khách hàng</b>                                | <b>30/06/2015</b>      | <b>01/01/2015</b>     |
| - Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú                             | 67,710,390,822         | 38,036,290,303        |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà                   | 864,902,256            | 864,902,256           |
| - Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú                          | 675,698,854            | 1,021,344,245         |
| - Công ty cổ phần bông miền bắc                              | 30,000,000             | 30,000,000            |
| - Sanmar Corporation                                         | 26,858,459,153         | 26,315,220,659        |
| - Orchid Apparel LLC                                         | 1,338,163,200          | 3,322,304,478         |
| - Các khách hàng khác                                        | 5,099,895,755          | 3,001,690,125         |
| <b>cộng</b>                                                  | <b>102,577,510,040</b> | <b>72,591,752,066</b> |





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

| <b>8. Hàng tồn kho</b>                              | <b>30/06/2015</b>      | <b>01/01/2015</b>      |
|-----------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Hàng mua đang đi trên đường                       | 17,671,399             | 445,741,005            |
| - Nguyên liệu, vật liệu                             | 82,926,328,358         | 87,778,909,503         |
| - Công cụ dụng cụ                                   | 6,009,950              | 2,940,950              |
| - Chi phí SXKD dở dang                              | 53,510,903,950         | 56,327,073,924         |
| - Thành phẩm                                        | 88,542,619,516         | 71,382,907,568         |
| - Hàng hoá                                          | 1,571,391,445          | 1,718,108,206          |
| <b>cộng</b>                                         | <b>226,574,924,619</b> | <b>217,655,681,156</b> |
| <b>9. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>                | <b>30/06/2015</b>      | <b>01/01/2015</b>      |
| - Chi phí công cụ, dụng cụ                          | 76,794,361             | 1,007,956,082          |
| - Chi phí sửa chữa                                  |                        | 656,023,517            |
| - Chi phí trả trước ngắn hạn khác                   | 1,638,082,458          | 126,207,542            |
| <b>cộng</b>                                         | <b>1,714,876,819</b>   | <b>1,790,187,141</b>   |
| <b>10. Thuế và các khoản thuế phải thu nhà nước</b> | <b>30/06/2015</b>      | <b>01/01/2015</b>      |
| - Thuế GTGT được khấu trừ                           | 215,061,024            | 179,985,899            |
| - Thuế và các khoản phải thu NN                     |                        | 255,111                |
| <b>cộng</b>                                         | <b>215,061,024</b>     | <b>180,241,010</b>     |
| <b>13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>          | <b>30/06/2015</b>      | <b>01/01/2015</b>      |
| - Mua sắm tài sản cố định                           | 364,194,000            |                        |
| + Mua xe đưa đón công nhân                          | 262,000,000            |                        |
| + Dự án đầu tư máy vệ sinh di động (NM Sợi 1&2)     | 102,194,000            |                        |
| - <b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>                    | <b>6,285,175,536</b>   | <b>331,233,455</b>     |
| + Dự án đầu tư hệ thống điều không NM Sợi 1&2       | 882,443,636            | 60,000,000             |
| + Dự án sắp xếp lại thiết bị NM Sợi 3               |                        | 203,688,000            |
| + Phương án sửa chữa nâng cấp đường nội bộ          |                        | 12,727,273             |
| + Dự án nhà máy sản xuất vải dệt kim                | 3,677,416,852          |                        |
| + Dự án quy hoạch Nhà máy May 4                     | 1,725,315,048          | 54,818,182             |
| - <b>Sửa chữa lớn TSCĐ</b>                          | <b>1,216,407,446</b>   | <b>1,216,407,446</b>   |
| Trong đó, PA nâng cấp máy chải thô (NMS2)           | 48,606,000             | 48,606,000             |
| PA cải tạo máy chải (NMS2)                          | 389,877,890            | 389,877,890            |
| PA cải tạo máy ống Shalafhorst (NMS2)               | 777,923,556            | 777,923,556            |
| <b>Cộng</b>                                         | <b>7,865,776,982</b>   | <b>1,547,640,901</b>   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****12 A. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| Khoản mục                                     | Nhà cửa,<br>Vật kiến trúc | Máy móc<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận<br>tải, truyền<br>dẫn | Thiết bị<br>dụng cụ<br>quản lý | TSCĐ<br>khác | Cộng            |
|-----------------------------------------------|---------------------------|---------------------|------------------------------------------|--------------------------------|--------------|-----------------|
| Nguyên giá TSCĐ hữu hình                      |                           |                     |                                          |                                |              |                 |
| + Số dư đầu kỳ                                | 78,836,852,936            | 470,485,809,865     | 13,943,748,203                           | 2,588,993,377                  |              | 565,855,404,381 |
| + Tăng trong kỳ                               | 1,394,110,000             | 11,649,582,129      |                                          |                                |              | 13,043,692,129  |
| - Mua trong kỳ                                | 891,000,000               | 11,375,200,000      |                                          |                                |              | 12,286,200,000  |
| Trong đó, mua của nội bộ<br>TCTCP P. Phú      | 891,000,000               | 10,814,700,000      |                                          |                                |              | 11,705,700,000  |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành                      | 503,110,000               | 274,382,129         |                                          |                                |              | 777,492,129     |
| - Tăng khác                                   |                           |                     |                                          |                                |              |                 |
| + Giảm trong kỳ                               |                           | 21,752,897,536      |                                          |                                |              | 21,752,897,536  |
| - Chuyển sang BĐS đầu tư                      |                           |                     |                                          |                                |              |                 |
| - Thanh lý, nhượng bán                        |                           | 21,752,897,536      |                                          |                                |              | 21,752,897,536  |
| Trong đó, bán cho nội bộ TCTCP<br>P. Phú      |                           | 11,128,067,132      |                                          |                                |              | 11,128,067,132  |
| - Giảm khác                                   |                           |                     |                                          |                                |              |                 |
| + Số dư cuối kỳ                               | 80,230,962,936            | 460,382,494,458     | 13,943,748,203                           | 2,588,993,377                  |              | 557,146,198,974 |
| Giá trị hao mòn lũy kế (*)                    |                           |                     |                                          |                                |              |                 |
| + Số dư đầu kỳ                                | 45,253,607,430            | 374,370,386,005     | 8,430,825,337                            | 1,616,011,573                  |              | 429,670,830,345 |
| + Tăng trong kỳ                               | 1,868,876,018             | 9,610,123,426       | 468,138,468                              | 139,827,231                    |              | 12,086,965,143  |
| - Khấu hao trong kỳ                           | 1,868,876,018             | 9,610,123,426       | 468,138,468                              | 139,827,231                    |              | 12,086,965,143  |
| - Tăng khác                                   |                           |                     |                                          |                                |              |                 |
| + Giảm trong kỳ                               |                           | 21,446,052,098      |                                          |                                |              | 21,446,052,098  |
| - Chuyển sang BĐS đầu tư                      |                           |                     |                                          |                                |              |                 |
| - Thanh lý, nhượng bán                        |                           | 21,446,052,098      |                                          |                                |              | 21,446,052,098  |
| Trong đó, giảm do bán, điều chuyển trong TCTY |                           | 10,934,643,493      |                                          |                                |              |                 |
| - Giảm khác                                   |                           |                     |                                          |                                |              |                 |
| + Số dư cuối kỳ                               | 47,122,483,448            | 362,534,457,333     | 8,898,963,805                            | 1,755,838,804                  |              | 420,311,743,390 |
| Giá trị còn lại của TSCĐ HH                   |                           |                     |                                          |                                |              |                 |
| - Tại ngày đầu kỳ                             | 33,583,245,506            | 96,115,423,860      | 5,512,922,866                            | 972,981,804                    |              | 136,184,574,036 |
| - Tại ngày cuối kỳ                            | 33,108,479,488            | 97,848,037,125      | 5,044,784,398                            | 833,154,573                    |              | 136,834,455,584 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****12B. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

| Khoản mục                               | Nhà cửa,<br>Vật kiến trúc | Máy móc<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận<br>tải, truyền<br>dẫn | Thiết bị<br>dụng cụ<br>quản lý | TSCĐ<br>khác | Cộng          |
|-----------------------------------------|---------------------------|---------------------|------------------------------------------|--------------------------------|--------------|---------------|
| Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính          |                           |                     |                                          |                                |              |               |
| + Số dư đầu kỳ                          |                           | 5,542,560,188       |                                          |                                |              | 5,542,560,188 |
| + Tăng trong kỳ                         |                           |                     |                                          |                                |              |               |
| - Thuê tài chính trong kỳ               |                           |                     |                                          |                                |              |               |
| - Mua lại TSCĐ thuê tài chính           |                           |                     |                                          |                                |              |               |
| - Tăng khác                             |                           |                     |                                          |                                |              |               |
| + Giảm trong kỳ                         |                           |                     |                                          |                                |              |               |
| - Trả lại TSCĐ thuê tài chính           |                           |                     |                                          |                                |              |               |
| - Giảm khác                             |                           |                     |                                          |                                |              |               |
| + Số dư cuối kỳ                         |                           | 5,542,560,188       |                                          |                                |              | 5,542,560,188 |
| Giá trị hao mòn lũy kế (*)              |                           |                     |                                          |                                |              |               |
| + Số dư đầu kỳ                          |                           | 338,712,024         |                                          |                                |              | 338,712,024   |
| + Tăng trong kỳ                         |                           | 184,752,012         |                                          |                                |              | 184,752,012   |
| - Khấu hao trong kỳ                     |                           | 184,752,012         |                                          |                                |              | 184,752,012   |
| - Mua lại TSCĐ thuê tài chính           |                           |                     |                                          |                                |              |               |
| - Tăng khác                             |                           |                     |                                          |                                |              |               |
| + Giảm trong kỳ                         |                           |                     |                                          |                                |              |               |
| - Trả lại TSCĐ thuê tài chính           |                           |                     |                                          |                                |              |               |
| - Giảm khác                             |                           |                     |                                          |                                |              |               |
| + Số dư cuối kỳ                         |                           | 523,464,036         |                                          |                                |              | 523,464,036   |
| Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính |                           |                     |                                          |                                |              |               |
| - Tại ngày đầu kỳ                       |                           | 5,203,848,164       |                                          |                                |              | 5,203,848,164 |
| - Tại ngày cuối kỳ                      |                           | 5,019,096,152       |                                          |                                |              | 5,019,096,152 |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

|                                                                        | 30/06/2015             | 01/01/2015             |
|------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>15. Đầu tư dài hạn khác</b>                                         |                        |                        |
| - Cổ phiếu Tổng công ty cp Bông tây nguyên (2.688)                     | 266,915,000            | 266,915,000            |
| - Công ty CP xúc tiến thương mại và ĐT Phong Phú (90.000cp*10.000đ/cp) | 900,000,000            | 900,000,000            |
| - Tiền gửi kỳ hạn 13 tháng - Ngân hàng TMCP Xây dựng Việt Nam          |                        | 2,000,000,000          |
| <b>Cộng</b>                                                            | <b>1,166,915,000</b>   | <b>3,166,915,000</b>   |
| <b>16. Chi phí trả trước dài hạn</b>                                   |                        |                        |
| - Chi phí trả trước dài hạn của Phụ tùng                               | 907,976,055            | 587,802,824            |
| - Chi phí trả trước dài hạn khác                                       | 419,581,282            | 2,029,531,382          |
| <b>Cộng</b>                                                            | <b>1,327,557,337</b>   | <b>2,617,334,206</b>   |
| <b>17 - Vay và nợ ngắn hạn</b>                                         |                        |                        |
| - <b>Vay ngắn hạn</b>                                                  | <b>265,934,012,915</b> | <b>267,020,644,920</b> |
| -Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa                                   | 156,347,308,801        | 164,917,715,590        |
| -CN Cty Tài chính Dệt May                                              |                        | 11,653,315,674         |
| -Ngân hàng TMCP An Bình - KH                                           |                        | 2,403,106,722          |
| -Ngân hàng - TMCP quân đội -KH                                         | 40,933,136,496         | 41,910,132,225         |
| -Ngân hàng - BIDV                                                      | 64,600,679,706         | 46,136,374,709         |
| -Ngân hàng - HSBC                                                      | 4,052,887,912          |                        |
| -Ngân hàng - MARTIME                                                   |                        |                        |
| - <b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>                                       | <b>2,457,853,347</b>   | <b>6,151,753,343</b>   |
| -Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa                                   | 1,330,960,002          | 2,623,360,000          |
| + Dự án 04 máy ghép -NMS3 (VCB)                                        | 524,160,000            | 2,623,360,000          |
| + Dự án 05 máy DK tròn + 15 máy DK phẳng (TCDM)                        | 436,800,000            |                        |
| + 6 máy dệt kim và 1 máy fong                                          | 370,000,002            |                        |
| -Ngân hàng TMCP An Bình - KH                                           | 431,250,000            | 1,293,750,000          |
| + 03 máy ống tự động (ABB)                                             | 431,250,000            | 1,293,750,000          |
| -Ngân hàng - BIDV                                                      | 180,643,347            | 1,204,643,347          |
| + Dự án may 4 ( BIDV)                                                  | 180,643,347            | 1,204,643,347          |
| -Cty TNHH MTV cho thuê tài chính VCB                                   | 514,999,998            | 1,029,999,996          |
| + Dự án đầu tư thay thế thiết bị NM nhuộm                              | 514,999,998            | 1,029,999,996          |
| <b>Cộng</b>                                                            | <b>268,391,866,262</b> | <b>273,172,398,263</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

| <b>18 - Phải trả người bán</b>                          | <b>30/06/2015</b>     | <b>01/01/2015</b>     |
|---------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú                          | 55,759,715,221        | 3,351,281,551         |
| Công ty Cổ phần Phước Lộc                               | 44,253,000            | 1,420,540,000         |
| Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa                      | 9,049,565,747         | 2,701,905,585         |
| Công ty TNHH Hóa chất Tân Phú Cường                     | 1,015,914,560         |                       |
| Công ty TNHH Sao Mai Anh                                | 1,004,784,000         | 2,424,318,226         |
| Các nhà cung cấp khác                                   | 13,624,656,523        | 48,736,460,299        |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>80,498,889,051</b> | <b>58,634,505,661</b> |
| <b>19 - Người mua trả tiền trước</b>                    | <b>30/06/2015</b>     | <b>01/01/2015</b>     |
| Tổng Công ty Phong Phú                                  |                       |                       |
| Các khách hàng khác                                     | 25,526,830            | 39,723,206            |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>25,526,830</b>     | <b>39,723,206</b>     |
| <b>20 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>         | <b>30/06/2015</b>     | <b>01/01/2015</b>     |
| - Thuế GTGT                                             | 2,153,585,563         | 3,089,210,135         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp                            | 2,686,566,703         | 2,549,016,115         |
| - Thuế thu nhập cá nhân                                 | 96,115,416            | 100,136,134           |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>4,936,267,682</b>  | <b>5,738,362,384</b>  |
| <b>21 . Chi phí phải trả</b>                            | <b>30/06/2015</b>     | <b>01/01/2015</b>     |
| - Chi phí trích trước kiểm toán                         | 120,000,000           | 73,500,000            |
| - Trích trước tiền điện tháng 3                         |                       | 2,299,429,406         |
| - Trích trước chi phí tư vấn                            | 90,000,000            | 90,000,000            |
| - Trích trước chi phí lãi vay                           | 270,250,713           | 546,672,644           |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>480,250,713</b>    | <b>3,009,602,050</b>  |
| <b>22. Các khoản phải trả ,phải nộp khác</b>            | <b>30/06/2015</b>     | <b>01/01/2015</b>     |
| - Kinh phí công đoàn                                    | 682,715,113           | 1,282,191,073         |
| - Bảo hiểm xã hội                                       | 566,382,767           |                       |
| - Bảo hiểm Y tế                                         | 1,075,147,513         | 949,170,932           |
| - Bảo hiểm thất nghiệp                                  | 328,579,068           | 304,796,793           |
| - Các khoản phải trả , phải nộp khác                    | 18,943,479,475        | 782,619,461           |
| Trong đó :                                              |                       |                       |
| - Tài sản thừa chờ xử lý                                | 43,101,889            | 40,511,171            |
| - Nhận ký cược ngắn hạn                                 | 192,710,000           | 39,266,000            |
| - Các khoản phải trả - Cổ tức năm 2014 (PhongPhuCorp..) | 18,183,000,000        | 90,000,000            |
| - Các khoản phải trả - khác                             | 524,667,586           | 612,842,290           |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>21,596,303,936</b> | <b>3,318,778,259</b>  |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

| <b>23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>                      | <b>30/06/2015</b>     | <b>01/01/2015</b>    |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Số dư tại 01/01                                           | 1,180,442,870         | 1,425,441,637        |
| Trích từ lợi nhuận sau thuế                               | 2,163,419,067         |                      |
| Tăng khác                                                 | 35,212,000            | 5,610,000            |
| Chi khen thưởng, phúc lợi                                 | (697,425,000)         | (145,350,000)        |
| <b>Cộng</b>                                               | <b>2,681,648,937</b>  | <b>1,285,701,637</b> |
| <b>23a. Quỹ khen thưởng</b>                               | <b>30/06/2015</b>     | <b>01/01/2015</b>    |
| Số dư tại 01/01                                           | 111,745,274           | 327,178,223          |
| Trích từ lợi nhuận sau thuế                               | 1,081,709,533         |                      |
| Tăng khác                                                 | 11,370,000            | 4,770,000            |
| Chi khen thưởng                                           | -262,000,000          | -13,500,000          |
| <b>Cộng</b>                                               | <b>942,824,807</b>    | <b>318,448,223</b>   |
| <b>23b. Quỹ phúc lợi</b>                                  | <b>30/06/2015</b>     | <b>01/01/2015</b>    |
| Số dư tại 01/01                                           | 1,068,697,596         | 1,098,263,414        |
| Trích từ lợi nhuận sau thuế                               | 1,081,709,534         |                      |
| Tăng khác                                                 | 23,842,000            | 840,000              |
| Chi phúc lợi                                              | -435,425,000          | -131,850,000         |
| <b>Cộng</b>                                               | <b>1,738,824,130</b>  | <b>967,253,414</b>   |
| <b>24. Các khoản vay và nợ dài hạn</b>                    | <b>31/03/2015</b>     | <b>01/01/2015</b>    |
| <b>+ Vay ngân hàng</b>                                    | <b>8,951,168,857</b>  | <b>6,001,500,000</b> |
| - Dự án 6 máy dệt kim tròn và 1 máy nhuộm (VCB)           | 2,260,000,000         | 2,260,000,000        |
| - Dự án lắp đặt trần laphong và hệ thống điều không (VCB) | 2,869,168,857         |                      |
| - Dự án 04 máy ghép ( VCB)                                | 1,290,600,000         | 1,282,800,000        |
| - Dự án 05 máy Dkim tròn & 15 máy Dkim phẳng (VCB)        | 2,531,400,000         | 2,458,700,000        |
| <b>+ Nợ dài hạn</b>                                       | <b>2,145,833,341</b>  | <b>2,145,833,341</b> |
| - Dự án đầu tư thay thế thiết bị NM nhuộm (CTTC.VCB)      | 2,145,833,341         | 2,145,833,341        |
| <b>Cộng</b>                                               | <b>11,097,002,198</b> | <b>8,147,333,341</b> |
| <b>25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm</b>                  | <b>30/06/2015</b>     | <b>01/01/2015</b>    |
| Số dư tại 01/01                                           |                       |                      |
| Số trích trong năm                                        | 1,230,225.917         | 1,453,956.651        |
| Số chi trong năm                                          | (1,230,225,917)       | (1,453,956.651)      |
| Số dư tại 31/03                                           | -                     | -                    |

L002

NG  
ỆT  
IA

PANK



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

|                                                                                                                                                                              | 30/06/2015             | 01/01/2015             |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>26. Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>                                                                                                                                         |                        |                        |
| - Vốn góp của Tổng CTCP Phong Phú                                                                                                                                            | 136,143,750,000        | 136,143,750,000        |
| - Vốn góp của CTCP Dệt Vải Phong Phú                                                                                                                                         | 2,401,080,000          | 2,401,080,000          |
| - Cổ phiếu quỹ                                                                                                                                                               | 10,000,000,000         | 10,000,000,000         |
| - Vốn góp của đối tượng khác                                                                                                                                                 | 36,455,170,000         | 36,455,170,000         |
| <b>Cộng</b>                                                                                                                                                                  | <b>185,000,000,000</b> | <b>185,000,000,000</b> |
| <b>27. Cổ phiếu</b>                                                                                                                                                          | <b>30/06/2015</b>      | <b>01/01/2015</b>      |
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành                                                                                                                                        | 18,500,000             | 18,500,000             |
| Trong đó :                                                                                                                                                                   |                        |                        |
| + Cổ phiếu Tổng công ty CP Phong Phú                                                                                                                                         | 13,614,375             | 13,614,375             |
| + Cổ phiếu CTCP Dệt Vải Phong Phú                                                                                                                                            | 24,108                 | 24,108                 |
| + Cổ phiếu Quỹ                                                                                                                                                               | 1,000,000              | 1,000,000              |
| + Cổ phiếu của đối tượng khác                                                                                                                                                | 3,861,517              | 3,861,517              |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                                                                                                                                            |                        |                        |
| <b>Cộng</b>                                                                                                                                                                  | <b>18,500,000</b>      | <b>18,500,000</b>      |
| <b>28. Các quỹ của doanh nghiệp</b>                                                                                                                                          | <b>30/06/2015</b>      | <b>01/01/2015</b>      |
| - Quỹ đầu tư phát triển                                                                                                                                                      | 22,015,663,659         | 22,015,663,659         |
| ( - Quỹ dự phòng tài chính                                                                                                                                                   |                        |                        |
| -Thặng dư vốn cổ phần                                                                                                                                                        | 2,030,000,000          |                        |
| - Cổ phiếu Quỹ                                                                                                                                                               |                        | (11,015,000,000)       |
| <b>Cộng</b>                                                                                                                                                                  | <b>24,045,663,659</b>  | <b>11,000,663,659</b>  |
| <b>29. Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>                                                                                                                                        | <b>30/06/2015</b>      | <b>01/01/2015</b>      |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do khấu hao TSCĐ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương                                | 20,212,417             | 14,699,939             |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do ghi nhận chi phí trích trước Công cụ dụng cụ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương | 169,468,945            | 123,250,127            |
| <b>Cộng</b>                                                                                                                                                                  | <b>189,681,362</b>     | <b>137,950,066</b>     |

32

TY  
- M  
R<sub>1</sub>

3.1

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG***Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****32. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| Khoản mục                   | Vốn đầu tư của CSH | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Cổ phiếu quỹ     | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng            |
|-----------------------------|--------------------|-----------------------|------------------------|------------------|----------------------|-----------------------------------|-----------------|
| A                           | 1                  | 2                     | 3                      | 4                | 5                    | 6                                 | 7               |
| Số dư đầu năm trước         | 185,000,000,000    | 11,974,036,900        | 41,626,759             | (11,015,000,000) |                      | 48,258,697,548                    | 234,259,361,207 |
| - Tăng vốn trong năm trước  |                    |                       |                        |                  |                      |                                   |                 |
| - Lợi nhuận trong năm trước |                    | 10,000,000,000        |                        |                  |                      | 27,407,464,785                    | 37,407,464,785  |
| - Tăng khác                 |                    |                       |                        |                  |                      |                                   |                 |
| - Giảm vốn trong năm trước  |                    |                       |                        |                  |                      |                                   |                 |
| - Lỗ trong năm trước        |                    |                       |                        |                  |                      |                                   |                 |
| - Giảm khác                 |                    |                       |                        |                  |                      | 41,198,653,725                    | 41,188,653,725  |
| Số dư cuối năm trước        | 185,000,000,000    | 21,974,036,900        | 41,626,759             | (11,015,000,000) |                      | 34,477,508,608                    | 230,478,172,267 |
| Số dư đầu năm nay           | 185,000,000,000    | 21,974,036,900        | 41,626,759             | -11,015,000,000  |                      | 34,477,508,608                    | 230,478,172,267 |
| - Tăng vốn trong năm nay    |                    |                       |                        |                  | 2,030,000,000        |                                   | 2,030,000,000   |
| - Lợi nhuận trong năm nay   |                    |                       |                        |                  |                      | 21,027,405,294                    | 21,027,405,294  |
| - Tăng khác                 |                    | 41,526,759            |                        |                  |                      |                                   | 41,626,759      |
| - Giảm vốn trong năm nay    |                    |                       |                        |                  |                      |                                   |                 |
| - Lỗ trong năm nay          |                    |                       |                        |                  |                      |                                   |                 |
| - Giảm khác                 |                    |                       | -41,626,759            | 11,015,000,000   |                      | -31,927,877,130                   | -20,954,503,889 |
| Số dư cuối năm nay          | 185,000,000,000    | 22,015,663,659        |                        |                  | 2,030,000,000        | 23,577,036,772                    | 232,622,700,431 |
|                             |                    |                       |                        |                  |                      |                                   |                 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG***Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

|                                             | 6 tháng đầu 2015       | 6 tháng đầu 2014       |
|---------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>1. 1 Tổng doanh thu</b>                  | <b>653,575,422,483</b> | <b>648,614,318,890</b> |
| Doanh thu bán thành phẩm                    | 435,122,915,008        | 607,451,813,377        |
| Doanh thu bán hàng hóa, vật tư thu hồi      | 170,294,066,981        | 37,326,516,091         |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ                  | 48,158,440,494         | 3,835,989,422          |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>653,575,422,483</b> | <b>648,614,318,890</b> |
| <b>1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu</b>     |                        |                        |
| Giảm giá hàng bán                           | 31,623,505             | -                      |
| <b>Doanh thu thuần</b>                      | <b>653,543,798,978</b> | <b>648,614,318,890</b> |
| <i>Trong đó:</i>                            |                        |                        |
| Doanh thu bán thành phẩm                    | 435,091,291,503        | 607,451,813,377        |
| Doanh thu bán hàng hóa, vật tư thu hồi      | 170,294,066,981        | 37,326,516,091         |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ                  | 48,158,440,494         | 3,835,989,422          |
| <b>2. Giá vốn hàng bán</b>                  |                        |                        |
| Giá vốn của thành phẩm                      | 392,960,080,882        | 569,200,247,287        |
| Giá vốn của hàng hóa, vật tư thu hồi        | 165,661,662,608        | 27,847,173,810         |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ                    | 44,896,226,291         | 3,536,330,870          |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>603,517,969,781</b> | <b>600,583,751,967</b> |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>                        | <b>50,025,829,197</b>  | <b>48,030,566,923</b>  |
| <b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>     |                        |                        |
| Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay         | 92,710,804             | 185,393,705            |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                 | 1,400,000,000          | 1,458,625,000          |
| Lãi từ giao dịch mua bán cổ phiếu           |                        | 2,966,498,400          |
| Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ      | 562,592,673            | 220,566,598            |
| Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ |                        | 530,809,976            |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>2,055,303,477</b>   | <b>5,361,893,679</b>   |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG***Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

| <b>4. Chi phí tài chính</b>                             | <b>6 tháng đầu 2015</b> | <b>6 tháng đầu 2014</b> |
|---------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Chi phí lãi vay                                         | 7,105,541,625           | 17,153,149,345          |
| Lỗ do chuyển nhượng chứng khoán                         | 3,601,773,720           | 848,987,280             |
| Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính                     | (3,803,093,720)         | (1,596,543,280)         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện                       | 226,657,524             | 43,722,369              |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện                     | 1,812,067,597           | 1,993,645,955           |
| Chi phí tài chính khác                                  | 1,720,898               | 1,239,631               |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>8,944,667,644</b>    | <b>18,444,201,300</b>   |
| <b>5. Chi phí bán hàng</b>                              | <b>6 tháng đầu 2015</b> | <b>6 tháng đầu 2014</b> |
| Chi phí cho nhân viên                                   | 1,138,125,427           | 1,571,867,450           |
| Chi phí khấu hao TSCĐ                                   | 7,699,998               | -                       |
| Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng                     | 150,290,908             | 2,349,617               |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                               | 2,818,420,746           | 2,472,033,076           |
| Chi phí khác                                            | 709,374,217             | 303,367,461             |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>4,823,911,296</b>    | <b>4,349,617,604</b>    |
| <b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>                  |                         |                         |
| Chi phí cho nhân viên                                   | 9,886,227,056           | 7,770,292,355           |
| Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng                     | 272,868,434             | 427,104,942             |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                        | 473,954,372             | 502,286,103             |
| Thuế phí và lệ phí                                      | 799,287,766             | 1,170,775,988           |
| Chi phí dự phòng các khoản phải thu                     | 29,690,700              | -                       |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                               | 816,454,800             | 408,198,863             |
| Chi phí khác                                            | 2,815,087,479           | 7,184,062,076           |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>15,093,570,607</b>   | <b>17,462,720,327</b>   |
| <b>7. Thu nhập khác</b>                                 |                         |                         |
| Thu bán, thanh lý tài sản cố định                       | 2,540,380,060           | 319,602,531,000         |
| Các khoản thu nhập khác                                 | 38,712,934              | 98,734                  |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>2,579,092,994</b>    | <b>319,602,629,734</b>  |
| <b>8. Chi phí khác</b>                                  |                         |                         |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý | 3,321,022               | 319,534,952,762         |
| Thuế truy thu, phạt chậm nộp, phạt hành chính           | 63,300,378              |                         |
| Các khoản chi phí khác                                  | 15,493                  | 1,550,310               |
| <b>Cộng</b>                                             | <b>66,636,893</b>       | <b>319,536,503,072</b>  |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>                | <b>25,731,439,228</b>   | <b>13,202,048,033</b>   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG**

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

| <b>9. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>                                                                                             | <b>6 tháng đầu 2015</b> | <b>6 tháng đầu 2014</b> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch khấu hao TSCĐ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đồng Phương                       | 5,512.478               | 2,756.239               |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch chi phí trích trước Công cụ dụng cụ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đồng Phương | 46,218.818              | 23,109.403              |
| <b>Cộng</b>                                                                                                                      | <b>51,731,296</b>       | <b>25,865,642</b>       |

**Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                 | <b>6 tháng đầu 2015</b> | <b>6 tháng đầu 2014</b> |
|---------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| + Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 348.240,297,635         | 403,655,857,583         |
| + Chi phí nhân công             | 86.954,330,758          | 92,973,294,885          |
| + Chi phí khấu hao TSCĐ         | 12.271,717,155          | 19,145,871,580          |
| + Chi phí dịch vụ mua ngoài     | 43.902,977,574          | 54,756,713,937          |
| + Chi phí khác bằng tiền        | 50.943,608,732          | 16,124,515,890          |
| <b>Cộng</b>                     | <b>542,312,931,854</b>  | <b>586,656,253,875</b>  |

Người lập biểu



Nguyễn Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng



Hồ Đặng Như Duyên

Nha Trang, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Tổng giám đốc



Vũ Đình Hùng